

CÔNG TY CỔ PHẦN SOHACO THĂNG LONG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SOHACO THĂNG LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SOHACO THANG LONG JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SOHACO THANG LONG., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108434732

3. Ngày thành lập: 18/09/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 36 đường Trần Quốc Hoàn, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0971836226

Fax:

Email: sohacocorp@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn đồ uống	4633
2.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự.	4649
3.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
4.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
5.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc thiết bị máy công nghiệp; Bán buôn máy móc thiết bị môi trường; Buôn bán máy móc phục vụ ngành xây dựng	4659
7.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ quặng uranium và thorium) (trừ kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662

8.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh.	4663
9.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị ; Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi	4719
10.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
11.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
12.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
13.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
14.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
15.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
16.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
17.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
18.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);	6619
19.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);	7020

20.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Thiết kế máy móc và thiết bị; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông; - Giám sát thi công xây dựng cơ bản.	7110
21.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Mua bán ô tô và các thiết bị, linh kiện kèm theo	4511
22.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
23.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
24.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
25.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
26.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
27.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
28.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
29.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
30.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
31.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
32.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
33.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
34.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: Sản xuất các thiết bị điện hỗn hợp khác không phải là máy phát, mô tơ hay máy truyền tải điện năng, pin, ắc quy, dây dẫn, thiết bị có dây dẫn, thiết bị chiếu sáng và thiết bị điện gia dụng.	2790
35.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
36.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
37.	Sản xuất máy luyện kim	2823
38.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
39.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
40.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
41.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt thiết bị máy móc phục vụ ngành xây dựng, tin học, viễn thông;	3320

42.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
43.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
44.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
45.	Thu gom rác thải độc hại	3812
46.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
47.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
48.	Xây dựng nhà để ở	4101
49.	Xây dựng nhà không để ở	4102
50.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
51.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
52.	Xây dựng công trình điện	4221
53.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
54.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
55.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
56.	Xây dựng công trình thủy	4291
57.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
58.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
59.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
60.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
61.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
62.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất.	7410
63.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
64.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
65.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí	4329(Chính)
66.	In ấn	1811
67.	Phá dỡ	4311

68.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
69.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
70.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
71.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
72.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uôn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở	4390
73.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa	4610
74.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
75.	Bán buôn thực phẩm	4632

6. Vốn điều lệ: 9.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ TÌNH	Đội 6, Xã Nghĩa Đồng, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	49.000	490.000.000	5,000	162579907	
			Tổng số	49.000	490.000.000	5,000		
2	KHUÔNG HOÀN CHÍNH	Đội 6, Xã Nghĩa Đồng, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	686.000	6.860.000.000	70,000	162479750	
			Tổng số	686.000	6.860.000.000	70,000		

3	VŨ QUANG VIỆT	Đội 1, Xã Nghĩa Đông, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	245.000	2.450.000.000	25,000	162417427	
			Tổng số	245.000	2.450.000.000	25,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	--	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: KHƯƠNG HOÀN CHÍNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/01/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 162479750

Ngày cấp: 06/08/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Nam Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 6, Xã Nghĩa Đông, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 703, CT2 Chung cư cao tầng Nam Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội